

sự phối hợp chặt chẽ giữa các NHTM và các đơn vị cung ứng dịch vụ ổn định đến đông đảo người dân, như: điện lực, bưu chính viễn thông, nước sạch sinh hoạt, thuế, hải quan, kho bạc để mở rộng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng. Các NHTM làm dịch vụ thu thuế, thu cước phí điện thoại, Internet, điện thoại di động, tiền điện, qua ngân hàng, hay khách hàng sử dụng thẻ tự động thanh toán qua hệ thống máy ATM.

- Chất lượng các dịch vụ tài chính của các NHTM ở khu vực miền Trung còn hạn chế so với các chi nhánh NHTM cùng hệ thống ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, cùng với các khâu khác có liên quan cũng không thể hoàn thiện được khi so sánh với hai thành phố lớn nói trên. Vì vậy việc trao đổi nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm cũng như những vấn đề khác về nghiệp vụ, về quy trình cần được quan tâm hơn để nâng cao chất lượng hơn nữa đối các dịch vụ ở NHTM cung cấp cho doanh nghiệp.

- Trong mỗi dự án đầu tư vốn cho các doanh nghiệp, bản thân các NHTM cũng cần thoả thuận đàm phán với doanh nghiệp về việc cung ứng các dịch vụ ngân hàng đi kèm, trên cơ sở đó ghi ngay trong hợp đồng tạo thuận lợi cho triển khai sau này.

Giải pháp đối với doanh nghiệp, các trường đại học:

Bản thân các doanh nghiệp, các trường đại học, các tổ chức khác cũng cần có nhận thức, việc chủ động tiếp cận, hay sẵn sàng tiếp cận các dịch vụ tài chính cũng giúp cho việc nâng cao sức mạnh cạnh tranh, tiết kiệm chi phí, đem lại tiện lợi cho công nhân, sinh viên, khách du lịch, nhất là trong điều kiện cạnh tranh mở cửa hội nhập quốc tế. Việc chấp

nhận các dịch vụ cho phép doanh nghiệp, các trường đại học, khách sạn, cơ sở nghỉ mát, tiết kiệm chi phí, tăng tính an toàn, hiệu quả trong kinh doanh trên thương trường quốc tế. Bởi vậy các doanh nghiệp, các trường đại học, các tổ chức cần nhận thức rõ lợi ích đối với mình, không chỉ nghĩ đó là công việc kinh doanh của riêng ngân hàng, từ đó có sự chủ động sẵn sàng chấp nhận các dịch mới tiện ích do ngân hàng cung cấp. Sẵn sàng bố trí cán bộ, quan tâm đến đào tạo và đầu tư máy móc thiết bị, chương trình phần mềm trong việc chấp nhận dịch vụ của ngân hàng. Các doanh nghiệp có đông công nhân, trường đại học có đông giáo viên, sinh viên, cũng có thể mời cán bộ ngân hàng đến giới thiệu các dịch vụ tiện ích đối với người công nhân, lao động, cán bộ, giáo viên, sinh viên trong đơn vị mình. Ngoài các dịch vụ gửi tiết kiệm, mở tài khoản và chi trả lương qua máy ATM và tiện ích chuyển tiền về gia đình qua máy ATM, thì còn có sản phẩm tài trợ vốn cho tiêu dùng của người hưởng lương, tư vấn đầu tư.

Giải pháp đối với Nhà nước:

Nhà nước, mà trực tiếp là Bộ Tài chính cần có chính sách miễn giảm thuế về hoạt động dịch vụ trong 3 - 5 năm cho các chi nhánh NHTM hoạt động ở khu vực miền Trung, để các chi nhánh NHTM trong vùng có điều kiện mạnh dạn đầu tư cho phát triển dịch vụ. Bởi vì như đã nói ở trên, thị trường dịch vụ ở khu vực miền Trung còn chậm phát triển, các điều kiện kinh doanh khác có nhiều khó khăn đối với cả NHTM, doanh nghiệp và đông đảo khách hàng khác nói chung ■

QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

GIẢI PHÁP ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

**Wương Quốc Nam
NHNN tỉnh Sóc Trăng**

Giữa năm 1993 Ban Bí thư Trung ương đã chủ trương thí điểm thành lập Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) theo mô hình mới, với mục tiêu tổ chức lại và phát triển mô hình kinh tế hợp tác trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng ở địa bàn nông thôn. Từ chủ trương này, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 390/TTg, ngày 27/07/1993, về triển khai thí điểm thành lập QTDND, đây là một giải pháp rất quan trọng, nhằm tạo một kênh vốn mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn và cấp bách cho sự nghiệp phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn - nông dân.

QTDND là loại hình tổ chức tín dụng hợp tác hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, thực hiện mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên, nhằm phát huy sức mạnh tập thể và của từng thành viên giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống. Hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân phải bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy để phát triển.

QTDND ra đời đã thu hút nguồn vốn nhân rồi trong dân ngày càng nhiều để cho vay thành viên phục vụ sản xuất, kinh doanh và cải thiện đời sống. Thông qua việc huy động vốn tại chỗ và cho vay, các QTDND đã có tác động tạo nên thị trường vốn mới ở nông thôn, khuyến khích nên sản xuất hàng hóa phát triển, thúc đẩy mở rộng ngành nghề, tạo công ăn việc làm cho

nông dân lúc nông nhàn, góp phần hạn chế cho vay nặng lãi, thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Sự ra đời của QTDND có ý nghĩa to lớn trong việc huy động sức dân để phát triển kinh tế; tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh, không những thế mà còn củng cố những ưu điểm của phong trào hợp tác hóa ở nông thôn, xóa đi mặc cảm đổ vỡ hàng loạt các hợp tác xã nói chung và các hợp tác xã tín dụng kiểu cũ trước đây.

Sau 14 năm xây dựng và phát triển, QTDND tuy còn non trẻ so với các ngân hàng thương mại (NHTM) cùng hoạt động trên lĩnh vực tín dụng, ngân hàng, nhưng qua công tác củng cố, chấn chỉnh đã khắc phục được yếu kém, tồn tại. Hiện nay, hoạt động của QTDND đã khẳng định được vai trò, vị trí quan trọng và sự thành công của mình trong các loại hình kinh tế hợp tác xã nói chung và theo mô hình QTDND kiểu mới, chứng tỏ sự đóng góp tích cực, tạo kênh dẫn vốn mới đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn, phát triển kinh tế hộ, cải thiện đời sống thành viên, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo, đẩy lùi dần nạn cho vay nặng lãi, giải quyết một phần công ăn việc làm ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, qua củng cố, chấn chỉnh cũng còn một số vấn đề khó khăn, vướng mắc, bản thân xin kiến nghị các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương cần hỗ trợ cho hoạt động QTDND trong giai đoạn mới:

1. Cấp ủy, UBND ở địa phương nơi có QTDND hoạt động cùng với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh cần có phương án quy hoạch cán bộ chủ chốt (Chủ tịch HĐQT, Ban giám đốc...) có đủ năng lực tài chính, năng lực chuyên môn, uy tín và phẩm chất đạo đức để tạo nguồn cán bộ kế thừa lâu dài cho sự phát triển của quỹ. UBND các cấp cần hỗ trợ, tạo điều kiện cho một số QTDND hiện nay chưa có trụ sở làm việc được mua nhà, đất với giá phù hợp theo khả năng tài chính của quỹ để xây dựng trụ sở làm việc ổn định.

2. Nhà nước cần có chính sách ưu đãi về thuế. QTDND hoạt động không vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, mà vì mục tiêu tương trợ cộng đồng thành viên và hộ nghèo, đối tượng chính sách. Với thuế suất thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho QTDND cơ sở là 28% thì quá cao, chưa khuyến khích, tạo điều kiện cho thành viên hưởng lợi từ kết quả hoạt động, không có điều kiện tăng nguồn lực tài chính để đầu tư cho công nghệ thông tin và cơ sở vật chất. Vì vậy Nhà nước cần miễn thuế hoặc hạ thấp thuế suất thu nhập doanh nghiệp xuống còn 5 - 10%, để QTDND bổ sung tăng vốn điều lệ đủ mạnh cho hoạt động trong xu hướng hội nhập kinh tế thị trường.

3. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, nên mở rộng tham gia cho vay hỗ trợ QTDND chi trả tiền gửi khách hàng rút vốn đột xuất dẫn đến nguy cơ mất khả năng chi trả, thanh toán, chứ không đợi đến khi giải thể, rút phép mới chi trả tiền gửi sẽ mất cơ hội cho quỹ hoạt động tốt tạm thời gặp khó khăn về chi trả, thanh toán.

4. Hiệp hội QTDND làm đầu mối hỗ trợ phần mềm tin học thống nhất cho hệ thống QTDND áp dụng vận hành trong kế toán, thanh toán, thông tin báo cáo...

5. Sớm triển khai xây dựng cơ chế lập quỹ an toàn hệ thống, thực tế vừa qua trên địa bàn các QTDND

cơ sở gặp khó khăn tạm thời về chi trả tiền gửi do khách hàng rút đột xuất với số lượng lớn, thì việc xử lý rất lúng túng vì không có nguồn đảm bảo cho mục đích an toàn chung của hệ thống.

6. Quy mô tài chính hoạt động QTDND không đủ lớn như NHTM, nên việc quy định dùng 50% vốn tự có để mua sắm tài sản cố định áp dụng với QTDND là chưa thật sự phù hợp, không tạo điều kiện để các quỹ có đủ vốn để xây dựng, mua sắm trụ sở làm việc và trang bị các tài sản khác. Vì theo quy định vốn điều lệ hiện nay đối với QTDND là 100 triệu đồng và nếu cộng thêm phần vốn tích lũy được của quỹ, với mức sử dụng 50% thì khó mà thực hiện được việc trang bị tin học, phương tiện và xây dựng trụ sở làm việc.

7. Lợi nhuận của các QTDND cơ sở sau khi làm nghĩa vụ thuế cho Nhà nước và trích lập các quỹ theo quy định, số còn lại nên chia hết cho thành viên góp vốn mà không phải theo quy định tại Thông tư số 62/2006/TT-BTC ngày 29/6/2006 của Bộ Tài chính, quy định là: cổ tức được chia tối đa không vượt quá lãi suất cho vay bình quân trong năm của QTDND.

8. Về lâu dài các NHTM Nhà nước tiến hành cổ phần hóa, thì vấn đề cổ tức và an toàn vốn đặt ra hết sức nặng nề trong hoạt động, các món vay nhỏ lẻ 10 - 15 triệu đồng sẽ bị hạn chế lại và đồng nghĩa với những hộ kinh tế cá thể đặc biệt là vùng nông nghiệp - nông thôn - nông dân sẽ khó tiếp cận được vốn vay từ NHTM. Nên còn lại NHCSXH và QTDND là người bạn đồng hành với đối tượng này. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần có chính sách quan tâm thỏa đáng với loại hình TCTD hợp tác và đẩy mạnh hơn nữa phong trào phát triển QTDND ở những nơi có đủ điều kiện, thì mới góp phần giải quyết nhu cầu vốn cho phát triển nông nghiệp - nông thôn, nhằm hạn chế phần nào sự cách biệt giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn.

9. Địa bàn hoạt động của các QTDND cơ sở đa số gắn với nông nghiệp, nông thôn, nông dân, khả năng tài chính không dồi dào, việc đẩy mạnh nâng cao nguồn lực tài chính có phần hạn chế. Do vậy, để tăng thêm tích lũy cần phải mở rộng quy mô tín dụng, nếu chỉ hoạt động trên địa bàn 01 xã, phường và các xã, phường liên kê thì không thể tăng trưởng được. Vì vậy, đề nghị NHNN TW nên nói rộng ra cho QTDND hoạt động thêm ở **những xã, phường không liên kê với xã, phường nơi QTDND đặt trụ sở chính** trong cùng quận, huyện, thị xã hoặc thành phố trực thuộc tỉnh ■

